

Sentara 2026 Chương trình | Trên và Ngoài sàn giao dịch

Tên chương trình bảo hiểm trên sàn giao dịch	Sentara M Gold 1000 Ded	Sentara M Gold 2200 Ded	Sentara M Gold 3500 Ded	Sentara M Silver 4400 Ded	Sentara M Silver 6500 Ded
Tên chương trình bảo hiểm ngoài sàn giao dịch	Sentara Gold 1000 Ded	Sentara Gold 2200 Ded	Sentara Gold 3500 Ded	Sentara Silver 4400 Ded	Sentara Silver 6500 Ded
Khấu trừ trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$1.000 \$2.000	\$2.200 \$4.400	\$3.500 \$7000	\$4.400 \$8.800	\$6.500 \$13.000
Chi phí tối đa phải trả trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$9.950 \$19.900	\$7500 \$15.000	\$6.450 \$12.900	\$9.650 \$19.300	\$8.950 \$17.900
Đồng bảo hiểm	20%	20%	30%	25%	30%
Chăm sóc phòng ngừa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ bác sĩ					
Đến khám tại phòng khám của Bác sĩ Chăm sóc Chính (PCP)	\$35	\$25	\$20	\$40	\$35
Đến khám tại phòng khám của bác sĩ chuyên khoa	\$65	\$50	\$50	\$75	\$75
Tư vấn từ xa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ cấp cứu và chăm sóc khẩn cấp					
Chăm sóc khẩn cấp	\$50	\$50	\$50	\$50	\$50
Dịch vụ trong phòng cấp cứu (trong và ngoài mạng lưới)	40% AD	40% AD	50% AD	45% AD	50% AD
Dịch vụ nội trú					
Dịch vụ bệnh viện nội trú	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Dịch vụ ngoại trú					
Xét nghiệm chẩn đoán ngoại trú: X quang, siêu âm, điện tâm đồ, vv.	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Xét nghiệm chẩn đoán nâng cao ngoại trú: MRI, chụp CT, vv.	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Phẫu thuật ngoại trú	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm lý/hành vi và rối loạn sử dụng chất gây nghiện					
Thăm khám ngoại trú (bác sĩ chăm sóc chính, bác sĩ chuyên khoa hoặc tư vấn từ xa)	\$45	\$35	\$30	\$50	\$45
Dịch vụ nội trú	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Các dịch vụ được chi trả khác					
Chăm sóc thai sản	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Chăm sóc trị liệu nắn xương khớp*	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Vật lý trị liệu và hoạt động trị liệu*	20% AD	20% AD	30% AD	25% AD	30% AD
Hiệu thuốc					
Bảo hiểm thuốc kê đơn bán lẻ Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$40 35% AD 40% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$40 30% AD 35% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$10 \$50 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$50 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$75 45% AD 50% AD
Bảo hiểm thuốc kê đơn đặt hàng qua thư Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$120 35% AD 40% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$120 30% AD 35% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$30 \$150 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$150 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$225 45% AD 50% AD



Hãy trao đổi với Cố vấn chương trình bảo hiểm cá nhân Sentara ngay hôm nay qua số 1-855-434-3269.

Tài liệu này có phiên bản tiếng Trung, tiếng Ba Tư, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

Tài liệu này chỉ dành cho mục đích đào tạo đại lý và môi giới và không được phân phối và sử dụng cho công chúng.

*Có áp dụng giới hạn số lần thăm khám. | Nội dung tóm tắt này chỉ nhằm mục đích so sánh. Để biết nội dung chi tiết hoàn chỉnh, vui lòng tham khảo Tóm tắt quyền lợi tại sentarahealthplans.com/brokers/benefit-summary.

Sentara Health Plans là tên thương mại của Sentara Health Plans, Sentara Health Insurance Company, Sentara Behavioral Health Services, Inc., và Sentara Health Administration, Inc. Sentara Individual & Family Plans do Sentara Health Plans phát hành. Mọi chương trình bảo hiểm đều có ngoại lệ và hạn chế về quyền lợi cũng như các điều khoản mà theo đó có thể tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc chấm dứt chính sách. Để biết chi phí và thông tin chi tiết đầy đủ về phạm vi bảo hiểm, vui lòng gọi cho người môi giới của quý vị hoặc Sentara Health Plans theo số 1-800-741-4825 hoặc truy cập sentarahealthplans.com.



Sentara 2026 Chương trình | Trên và Ngoài sàn giao dịch (phần tiếp theo)

Tên chương trình bảo hiểm trên sàn giao dịch	Sentara M Bronze 6250 Ded HSA	Sentara M Bronze 7200 Ded	Sentara M Bronze 8400 Ded	Sentara M Bronze 9800 Ded
Tên chương trình bảo hiểm ngoài sàn giao dịch	Sentara Bronze 6250 Ded HSA	Sentara Bronze 7200 Ded	Sentara Bronze 8400 Ded	Sentara Bronze 9800 Ded
Khấu trừ trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$6.250 \$12.500	\$7.200 \$14.400	\$8.400 \$16.800	\$9.800 \$19.600
Chi phí tối đa phải trả trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$8.500 \$17.000	\$10.600 \$21.200	\$10.600 \$21.200	\$10.600 \$21.200
Đồng bảo hiểm	30%	40%	45%	50%
Chăm sóc phòng ngừa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ bác sĩ				
Đến khám tại phòng khám của Bác sĩ Chăm sóc Chính (PCP)	30% AD	\$45	\$60	\$75
Đến khám tại phòng khám của bác sĩ chuyên khoa	30% AD	\$90	\$120	\$150
Tư vấn từ xa	Không mất phí AD	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ cấp cứu và chăm sóc khẩn cấp				
Chăm sóc khẩn cấp	30% AD	\$50	\$75	\$90
Dịch vụ trong phòng cấp cứu (trong và ngoài mạng lưới)	50% AD	50% AD	50% AD	50% AD
Dịch vụ nội trú				
Dịch vụ bệnh viện nội trú	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Dịch vụ ngoại trú				
Xét nghiệm chẩn đoán ngoại trú: X quang, siêu âm, điện tâm đồ, vv.	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Xét nghiệm chẩn đoán nâng cao ngoại trú: MRI, chụp CT, vv.	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Phẫu thuật ngoại trú	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm lý/hành vi và rối loạn sử dụng chất gây nghiện				
Thăm khám ngoại trú (bác sĩ chăm sóc chính, bác sĩ chuyên khoa hoặc tư vấn từ xa)	30% AD	\$50	\$60	\$75
Dịch vụ nội trú	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Các dịch vụ được chi trả khác				
Chăm sóc thai sản	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Chăm sóc trị liệu nắn xương khớp*	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Vật lý trị liệu và hoạt động trị liệu*	30% AD	40% AD	45% AD	50% AD
Hiệu thuốc				
Bảo hiểm thuốc kê đơn bán lẻ Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Áp dụng khoản khấu trừ y tế 30% AD 30% AD 35% AD 40% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$20 40% AD 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$25 40% AD 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$30 40% AD 45% AD 50% AD
Bảo hiểm thuốc kê đơn đặt hàng qua thư Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Áp dụng khoản khấu trừ y tế 30% AD 30% AD 35% AD 40% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$60 40% AD 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$75 40% AD 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$90 40% AD 45% AD 50% AD



Hãy trao đổi với Cố vấn chương trình bảo hiểm cá nhân Sentara ngay hôm nay qua số 1-855-434-3269.
Tài liệu này có phiên bản tiếng Trung, tiếng Ba Tư, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

Tài liệu này chỉ dành cho mục đích đào tạo đại lý và môi giới và không được phân phối và sử dụng cho công chúng.

*Có áp dụng giới hạn số lần thăm khám. | Nội dung tóm tắt này chỉ nhằm mục đích so sánh. Để biết nội dung chi tiết hoàn chỉnh, vui lòng tham khảo Tóm tắt quyền lợi tại sentarahealthplans.com/brokers/benefit-summary.

Sentara Health Plans là tên thương mại của Sentara Health Plans, Sentara Health Insurance Company, Sentara Behavioral Health Services, Inc., và Sentara Health Administration, Inc. Sentara Individual & Family Plans do Sentara Health Plans phát hành. Mọi chương trình bảo hiểm đều có ngoại lệ và hạn chế về quyền lợi cũng như các điều khoản mà theo đó có thể tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc chấm dứt chính sách. Để biết chi phí và thông tin chi tiết đầy đủ về phạm vi bảo hiểm, vui lòng gọi cho người môi giới của quý vị hoặc Sentara Health Plans theo số 1-800-741-4825 hoặc truy cập sentarahealthplans.com.



Sentara 2026 Chương trình giảm mức chia sẻ chi phí (CSR)

Tên chương trình bảo hiểm	Chương trình bảo hiểm chính	CSR 73%	CSR 87%	CSR 94%	Chương trình bảo hiểm chính	CSR 73%	CSR 87%	CSR 94%
	Sentara M Silver 6500 Ded	Sentara Silver 3400 Ded (04)	Sentara Silver 400 Ded (05)	Sentara Silver 50 Ded (06)	Sentara M Silver 4400 Ded	Sentara Silver 3150 Ded (04)	Sentara Silver 300 Ded (05)	Sentara Silver 0 Ded (06)
Khấu trừ trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$6.500 \$13.000	\$3.400 \$6.800	\$400 \$800	\$50 \$100	\$4.400 \$8.800	\$3.150 \$6.300	\$300 \$600	\$0 \$0
Chi phí tối đa phải trả trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$8.950 \$17.900	\$8.000 \$16.000	\$3.350 \$6.700	\$1.400 \$2.800	\$9.650 \$19.300	\$8.200 \$16.400	\$3.450 \$6.900	\$1.600 \$3.200
Đồng bảo hiểm	30%	30%	25%	15%	25%	25%	25%	15%
Chăm sóc phòng ngừa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ bác sĩ								
Đến khám tại phòng khám của Bác sĩ Chăm sóc Chính (PCP)	\$35	\$25	\$20	\$10	\$40	\$30	\$20	\$10
Đến khám tại phòng khám của bác sĩ chuyên khoa	\$75	\$75	\$50	\$25	\$75	\$75	\$40	\$20
Tư vấn từ xa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ cấp cứu và chăm sóc khẩn cấp								
Chăm sóc khẩn cấp	\$50	\$50	\$50	\$25	\$50	\$50	\$40	\$20
Dịch vụ trong phòng cấp cứu (trong và ngoài mạng lưới)	50% AD	50% AD	45% AD	35% AD	45% AD	45% AD	45% AD	35%
Dịch vụ nội trú								
Dịch vụ bệnh viện nội trú	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Dịch vụ ngoại trú								
Xét nghiệm chẩn đoán ngoại trú: X quang, siêu âm, điện tâm đồ, vv.	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Xét nghiệm chẩn đoán nâng cao ngoại trú: MRI, chụp CT, vv.	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Phẫu thuật ngoại trú	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm lý/hành vi và rối loạn sử dụng chất gây nghiện								
Thăm khám ngoại trú (bác sĩ chăm sóc chính, bác sĩ chuyên khoa hoặc tư vấn từ xa)	\$45	\$35	\$30	\$20	\$50	\$40	\$30	\$20
Dịch vụ nội trú	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Các dịch vụ được chi trả khác								
Chăm sóc thai sản	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Chăm sóc trị liệu nắn xương khớp*	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Vật lý trị liệu và hoạt động trị liệu*	30% AD	30% AD	25% AD	15% AD	25% AD	25% AD	25% AD	15%
Hiệu thuốc								
Bảo hiểm thuốc kê đơn bán lẻ Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$75 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$50 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$10 \$40 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$5 \$25 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$50 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$40 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$40 45% AD 50% AD	Không khấu trừ thuốc kê toa \$5 \$20 40% 45%
Bảo hiểm thuốc kê đơn đặt hàng qua thư Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$225 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$150 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$30 \$120 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$75 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$150 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$120 45% AD 50% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$120 45% AD 50% AD	Không khấu trừ thuốc kê toa \$15 \$60 40% 45%



Hãy trao đổi với Cố vấn chương trình bảo hiểm cá nhân Sentara ngay hôm nay qua số 1-855-434-3269.

Tài liệu này có phiên bản tiếng Trung, tiếng Ba Tư, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

Tài liệu này chỉ dành cho mục đích đào tạo đại lý và môi giới và không được phân phối và sử dụng cho công chúng.

*Có áp dụng giới hạn số lần thăm khám. | Nội dung tóm tắt này chỉ nhằm mục đích so sánh. Để biết nội dung chi tiết hoàn chỉnh, vui lòng tham khảo Tóm tắt quyền lợi tại sentarahealthplans.com/brokers/benefit-summary.

Sentara Health Plans là tên thương mại của Sentara Health Plans, Sentara Health Insurance Company, Sentara Behavioral Health Services, Inc., và Sentara Health Administration, Inc. Sentara Individual & Family Plans do Sentara Health Plans phát hành. Mọi chương trình bảo hiểm đều có ngoại lệ và hạn chế về quyền lợi cũng như các điều khoản mà theo đó có thể tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc chấm dứt chính sách. Để biết chi phí và thông tin chi tiết đầy đủ về phạm vi bảo hiểm, vui lòng gọi cho người môi giới của quý vị hoặc Sentara Health Plans theo số 1-800-741-4825 hoặc truy cập sentarahealthplans.com.

Có nhiều cách để mua gói bảo hiểm chăm sóc sức khoẻ.

Điều đó đặc biệt đúng đối với những thành viên không đủ điều kiện nhận trợ cấp bảo hiểm y tế.

Sentara 2026 Chương trình đặc biệt | Chỉ dành cho khu vực ngoài sàn giao dịch

Tên chương trình bảo hiểm	Sentara Platinum 0 Ded	Sentara Gold 1300 Ded	Sentara Silver 5000 Ded	Sentara Silver 3200 Ded	Sentara Silver 3500 Ded HSA	Sentara Silver 5900 Ded
Khấu trừ trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$0 \$0	\$1.300 \$2.600	\$5.000 \$10.000	\$3.200 \$6.400	\$3.500 \$7.000	\$5.900 \$11.800
Chi phí tối đa phải trả trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$3.800 \$7600	\$7500 \$15.000	\$10.000 \$20.000	\$8.000 \$16.000	\$7000 \$14.000	\$9.900 \$19.800
Đồng bảo hiểm	20%	10%	25%	30%	30%	35%
Chăm sóc phòng ngừa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ bác sĩ						
Đến khám tại phòng khám của Bác sĩ Chăm sóc Chính (PCP)	\$20	\$25	\$25	\$30	30% AD	\$35
Đến khám tại phòng khám của bác sĩ chuyên khoa	\$40	\$50	\$75	\$60	30% AD	\$75
Tư vấn từ xa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí AD	Không mất phí
Dịch vụ cấp cứu và chăm sóc khẩn cấp						
Chăm sóc khẩn cấp	\$50	\$50	\$50	\$50	30% AD	\$50
Dịch vụ trong phòng cấp cứu (trong và ngoài mạng lưới)	40%	30% AD	45% AD	50% AD	50% AD	50% AD
Dịch vụ nội trú						
Dịch vụ bệnh viện nội trú	20%	10% AD	25% AD	30% AD	30% AD	35% AD
Dịch vụ ngoại trú						
Xét nghiệm chẩn đoán ngoại trú: X quang, siêu âm, điện tâm đồ, vv.	\$40	\$50	\$50	30% AD	30% AD	35% AD
Xét nghiệm chẩn đoán nâng cao ngoại trú: MRI, chụp CT, vv.	\$150	\$250	\$350	30% AD	30% AD	35% AD
Phẫu thuật ngoại trú	20%	10% AD	25% AD	30% AD	30% AD	35% AD
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm lý/hành vi và rối loạn sử dụng chất gây nghiện						
Thăm khám ngoại trú (bác sĩ chăm sóc chính, bác sĩ chuyên khoa hoặc tư vấn từ xa)	\$30	\$35	\$35	\$40	30% AD	\$45
Dịch vụ nội trú	20%	10% AD	25% AD	30% AD	30% AD	35% AD
Các dịch vụ được chi trả khác						
Chăm sóc thai sản	20%	10% AD	25% AD	30% AD	30% AD	35% AD
Chăm sóc trị liệu nắn xương khớp*	20%	10% AD	25% AD	30% AD	30% AD	35% AD
Vật lý trị liệu và hoạt động trị liệu*	\$20	\$25	\$50	30% AD	30% AD	35% AD
Hiệu thuốc						
Bảo hiểm thuốc kê đơn bán lẻ Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Không khấu trừ thuốc kê đơn \$10 \$40 \$100 \$350	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$15 \$40 30% AD 35% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$20 \$60 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$30 \$60 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế 30% AD 30% AD 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$25 \$75 45% AD 50% AD
Bảo hiểm thuốc kê đơn đặt hàng qua thư Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Không khấu trừ thuốc kê đơn \$30 \$120 \$300 \$350	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$45 \$120 30% AD 35% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$60 \$180 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$90 \$180 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế 30% AD 30% AD 40% AD 45% AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$75 \$225 45% AD 50% AD



Hãy trao đổi với Cố vấn chương trình bảo hiểm cá nhân Sentara ngay hôm nay qua số 1-855-434-3269.

Tài liệu này có phiên bản tiếng Trung, tiếng Ba Tư, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

Tài liệu này chỉ dành cho mục đích đào tạo đại lý và môi giới và không được phân phối và sử dụng cho công chúng.

Chương trình Sentara Đặc biệt ngoài sàn giao dịch của chúng tôi chỉ cung cấp bên ngoài Thị trường bảo hiểm Virginia. Chương trình Sentara Đặc biệt chỉ dành cho khu vực ngoài sàn giao dịch lý tưởng cho những người không có trợ cấp muốn nhận các quyền lợi theo chương trình với chi phí phải trả thấp hơn. Các chương trình này bao gồm tất cả các quyền lợi, chương trình chăm sóc sức khỏe, dịch vụ phòng ngừa và các công cụ hữu ích mà chúng tôi cung cấp trong tất cả các Chương trình Chăm sóc Sức khỏe Cá nhân & Gia đình Sentara.

*Có áp dụng giới hạn số lần thăm khám. | Nội dung tóm tắt này chỉ nhằm mục đích so sánh. Để biết nội dung chi tiết hoàn chỉnh, vui lòng tham khảo Tóm tắt quyền lợi tại sentarahealthplans.com/brokers/benefit-summary.

Sentara Health Plans là tên thương mại của Sentara Health Plans, Sentara Health Insurance Company, Sentara Behavioral Health Services, Inc., và Sentara Health Administration, Inc. Sentara Individual & Family Plans do Sentara Health Plans phát hành. Mọi chương trình bảo hiểm đều có ngoại lệ và hạn chế về quyền lợi cũng như các điều khoản mà theo đó có thể tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc chấm dứt chính sách. Để biết chi phí và thông tin chi tiết đầy đủ về phạm vi bảo hiểm, vui lòng gọi cho người môi giới của quý vị hoặc Sentara Health Plans theo số 1-800-741-4825 hoặc truy cập sentarahealthplans.com.

Sentara 2026 Chương trình tiêu chuẩn

Tên Chương trình Bảo hiểm Trên sàn giao dịch	Sentara Standard M Gold 2000 Ded	Sentara Standard M Silver 6000 Ded	Sentara Standard M Bronze 7500 Ded	Sentara Standard Silver 3000 Ded (04)	Sentara Standard Silver 700 Ded (05)	Sentara Standard Silver 0 Ded (06)
Tên Chương trình Bảo hiểm ngoài sàn giao dịch	Sentara Standard Gold 2000 Ded	Sentara Standard Silver 6000 Ded	Sentara Standard Bronze 7500 Ded	CSR 73%	CSR 87%	CSR 94%
				Chỉ có trên sàn giao dịch	Chỉ có trên sàn giao dịch	Chỉ có trên sàn giao dịch
Khấu trừ trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$2.000 \$4.000	\$6.000 \$12.000	\$7500 \$15.000	\$3.000 \$6.000	\$700 \$1.400	\$0 \$0
Chi phí tối đa phải trả trong mạng lưới: cá nhân gia đình	\$8.200 \$16.400	\$8.900 \$17800	\$10.000 \$20.000	\$7.400 \$14.800	\$3.300 \$6.600	\$2.200 \$4.400
Đồng bảo hiểm	25%	40%	50%	40%	30%	25%
Chăm sóc phòng ngừa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ bác sĩ						
Đến khám tại phòng khám của Bác sĩ Chăm sóc Chính (PCP)	\$30	\$40	\$50	\$40	\$20	\$0
Đến khám tại phòng khám của bác sĩ chuyên khoa	\$60	\$80	\$100	\$80	\$40	\$10
Tư vấn từ xa	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí	Không mất phí
Dịch vụ cấp cứu và chăm sóc khẩn cấp						
Chăm sóc khẩn cấp	\$45	\$60	\$75	\$60	\$30	\$5
Dịch vụ trong phòng cấp cứu (trong và ngoài mạng lưới)	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Dịch vụ nội trú						
Dịch vụ bệnh viện nội trú	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Dịch vụ ngoại trú						
Xét nghiệm chẩn đoán ngoại trú: X quang, siêu âm, điện tâm đồ, vv.	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Xét nghiệm chẩn đoán nâng cao ngoại trú: MRI, chụp CT, vv.	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Phẫu thuật ngoại trú	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm lý/hành vi và rối loạn sử dụng chất gây nghiện						
Thăm khám ngoại trú (bác sĩ chăm sóc chính, bác sĩ chuyên khoa hoặc tư vấn từ xa)	\$30	\$40	\$50	\$40	\$20	\$0
Dịch vụ nội trú	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Các dịch vụ được chi trả khác						
Chăm sóc thai sản	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Chăm sóc trị liệu nắn xương khớp*	25% AD	40% AD	50% AD	40% AD	30% AD	25%
Vật lý trị liệu và hoạt động trị liệu*	\$30	\$40	\$50	\$40	\$20	\$0
Hiệu thuốc						
Bảo hiểm thuốc kê đơn bán lẻ Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Không khấu trừ thuốc kê đơn \$15 \$30 \$60 \$250	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$20 \$40 \$80 AD \$350 AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$25 \$50 AD \$100 AD \$500 AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$20 \$40 \$80 AD \$350 AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$10 \$20 \$60 AD \$250 AD	Không khấu trừ thuốc kê đơn \$0 \$15 \$50 \$150
Bảo hiểm thuốc kê đơn đặt hàng qua thư Bậc 1 Bậc 2 Bậc 3 Bậc 4	Không khấu trừ thuốc kê đơn \$45 \$90 \$180 \$250	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$60 \$120 \$240 AD \$350 AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$75 \$150 AD \$300 AD \$500 AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$60 \$120 \$240 AD \$350 AD	Áp dụng khoản khấu trừ y tế \$30 \$60 \$180 AD \$250 AD	Không khấu trừ thuốc kê đơn \$0 \$45 \$150 \$150



Hãy trao đổi với Cố vấn chương trình bảo hiểm cá nhân Sentara ngay hôm nay qua số 1-855-434-3269.

Tài liệu này có phiên bản tiếng Trung, tiếng Ba Tư, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

Tài liệu này chỉ dành cho mục đích đào tạo đại lý và môi giới và không được phân phối và sử dụng cho công chúng.

*Có áp dụng giới hạn số lần thăm khám. | Nội dung tóm tắt này chỉ nhằm mục đích so sánh. Để biết nội dung chi tiết hoàn chỉnh, vui lòng tham khảo Tóm tắt quyền lợi tại sentarahealthplans.com/brokers/benefit-summary.

Sentara Health Plans là tên thương mại của Sentara Health Plans, Sentara Health Insurance Company, Sentara Behavioral Health Services, Inc., và Sentara Health Administration, Inc. Sentara Individual & Family Plans do Sentara Health Plans phát hành. Mọi chương trình bảo hiểm đều có ngoại lệ và hạn chế về quyền lợi cũng như các điều khoản mà theo đó có thể tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc chấm dứt chính sách. Để biết chi phí và thông tin chi tiết đầy đủ về phạm vi bảo hiểm, vui lòng gọi cho người môi giới của quý vị hoặc Sentara Health Plans theo số 1-800-741-4825 hoặc truy cập sentarahealthplans.com.

